



Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Hồ Thị Kim Ngân¹, Lê Văn Khuyên²

¹*Trường Mầm non An Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh*

²*Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế*

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 13/7/2025

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 15/9/2025

Ngày nhận đăng: 01/10/2025

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Quản lý giáo dục;

Kỹ năng hợp tác;

Trẻ 5-6 tuổi;

Trường mầm non.

TÓM TẮT

Nghiên cứu khảo sát 145 cán bộ quản lý và giáo viên tại 5 trường mầm non huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nhằm đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi. Kết quả cho thấy công tác quản lý đã được triển khai trên nhiều phương diện, đạt mức độ từ trung bình đến khá, trong đó khâu lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ được đánh giá cao. Tuy nhiên, các nội dung như huy động nguồn lực, truyền thông kế hoạch, động viên đội ngũ và sử dụng kết quả kiểm tra để điều chỉnh hoạt động vẫn còn hạn chế. Từ thực trạng đó, nghiên cứu đề xuất năm biện pháp trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng hợp tác, hướng đến việc phát triển năng lực hợp tác cho trẻ một cách bền vững và hiệu quả.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong hệ thống giáo dục quốc dân, giáo dục mầm non (GDMN) giữ vai trò nền tảng, có ý nghĩa quyết định trong việc hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách và phát triển toàn diện trẻ em Việt Nam. GDMN hướng đến việc phát triển hài hòa các mặt thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, đồng thời tạo tiền đề vững chắc để trẻ tự tin bước vào bậc tiểu học (Quốc hội, 2019).

Trong xu thế đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hiện nay, yêu cầu về phát triển năng lực và phẩm chất cho trẻ mầm non ngày càng được nhấn mạnh. Bên cạnh việc trang bị tri thức và kỹ năng sống, kỹ năng hợp tác (KNHT) được xác định là một trong những năng lực cốt lõi, có vai trò thiết yếu trong việc hình thành nền tảng giao tiếp xã hội, phát triển cá nhân và hội nhập cộng đồng. KNHT không chỉ giúp trẻ biết chia sẻ, phối hợp, làm việc nhóm, mà còn góp phần phát triển tư duy linh hoạt, tinh thần trách nhiệm, khả năng giải quyết vấn đề và cảm xúc tích cực trong hoạt động chung (Bùi, 2016).

Lứa tuổi 5-6 được xem là giai đoạn chuyển tiếp quan trọng từ mầm non lên tiểu học. Trẻ bắt đầu phát triển mạnh về nhận thức xã hội, nhu cầu tương tác và ý thức về vai trò cá nhân trong tập thể. Vì vậy, giáo dục KNHT ở độ tuổi này không chỉ cần thiết mà còn mang tính chiến lược trong việc chuẩn bị cho trẻ thích nghi với môi trường học tập và xã hội sau này. KNHT của trẻ là một phần trong hệ thống năng lực xã hội, thể hiện ở khả năng phối hợp tích cực với người khác để đạt được mục tiêu chung trên cơ sở trách nhiệm cá nhân và tinh thần tập thể.

Thực tế tại các trường mầm non huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh cho thấy giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi đã được quan tâm trong những năm gần đây. Tuy nhiên, hiệu quả triển khai vẫn chưa cao. Nhiều hoạt động còn mang tính hình thức, chưa phong phú về nội dung và phương pháp; hệ thống bài tập chưa hấp dẫn; vai trò của giáo viên chưa được phát huy đầy đủ; sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục còn lỏng lẻo; công tác quản lý ở một số trường còn thiếu tính đồng bộ, các khâu từ xây dựng kế hoạch đến kiểm tra, đánh giá chưa được chú trọng đúng mức.

Tác giả liên hệ: Lê Văn Khuyên;

Địa chỉ e-mail: lvkhuyen@hueuni.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.165.2025>

Trước thực trạng đó, việc nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống về quản lý hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ mầm non là yêu cầu cấp thiết. Nghiên cứu cần làm rõ những tồn tại, khó khăn trong thực tiễn quản lý, từ đó đề xuất các biện pháp có tính khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục hiện nay. Với mục tiêu đó, nghiên cứu này tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi tại các trường mầm non huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khách thể tham gia nghiên cứu gồm 145 người, trong đó 25 cán bộ quản lý (CBQL) và 120 giáo viên mầm non (GVMN) đang công tác tại 5 trường mầm non trên địa bàn huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (Trường mầm non An Phú, Trường mầm non An Nhơn Tây, Trường mầm non Nhuận Đức, Trường mầm non Hoàng Minh Đạo và Trường mầm non Phạm Văn Cội 2). Số lượng và cơ cấu khách thể khảo sát đảm bảo tính đại diện cao trong đánh giá thực trạng công tác quản lý hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ mẫu giáo lớn (5–6 tuổi) tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn nghiên cứu.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chủ đạo là điều tra bằng bảng hỏi nhằm thu thập dữ liệu phục vụ cho việc phân tích và đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5–6 tuổi. Việc xây dựng phiếu điều tra được tiến hành trên cơ sở tiếp cận các chức năng cơ bản của quản lý, đồng thời tham khảo ý kiến chuyên gia để đảm bảo tính khoa học và phù hợp với đối tượng khảo sát. Bảng hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức (từ 1 đến 5), với ý nghĩa cụ thể của từng mức độ được quy ước và thể hiện rõ trong các bảng số liệu kết quả nghiên cứu. Sau khi hoàn thiện, bảng hỏi được khảo sát thử nghiệm với 30 cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV) để kiểm tra mức độ phù hợp với đối tượng nghiên cứu. Kết quả thử nghiệm cho chỉ số Cronbach's Alpha = 0,74, chứng tỏ bảng hỏi đạt độ tin cậy cần thiết để sử dụng trong khảo sát chính thức. Tiếp đó, khảo sát chính thức cho chỉ số Cronbach's Alpha = 0,77, khẳng định bảng hỏi có độ tin cậy cao và đảm bảo chất lượng dữ liệu nghiên cứu. Bảng hỏi được phát và thu trực tiếp tại các trường mầm non; trong quá trình khảo sát, các đối tượng tham gia được cán bộ nghiên cứu hướng dẫn để đảm bảo trả lời chính xác và đầy đủ.

Dữ liệu thu thập từ khảo sát chính thức được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 26.0, với các chỉ số phân tích gồm: điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) và tỉ lệ phần trăm (%) theo từng nội dung khảo sát. Để phân loại mức độ đánh giá, nghiên cứu áp dụng công thức tính khoảng cách giữa các mức điểm: (Giá trị lớn nhất – Giá trị nhỏ nhất) / tổng số mức độ = $(5 - 1)/5 = 0,80$. Trên cơ sở đó, các mức đánh giá được quy ước như sau: Từ 1,00 đến 1,80: Không bao giờ / Kém; Từ 1,81 đến 2,60: Hiếm khi / Yếu; Từ 2,61 đến 3,40: Thỉnh thoảng / Trung bình; Từ 3,41 đến 4,20: Thường xuyên / Khá; Từ 4,21 đến 5,00: Rất thường xuyên / Tốt.

Bên cạnh phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và phương pháp hỏi ý kiến chuyên gia, nghiên cứu còn kết hợp phỏng vấn sâu một số CBQL và GV nhằm bổ sung dữ liệu định tính, kiểm chứng và làm rõ các thông tin định lượng thu được. Cách tiếp cận này giúp nâng cao độ tin cậy và tính toàn diện của kết quả nghiên cứu thực trạng. Việc thu thập và xử lý số liệu được tiến hành trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2025.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng lập kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ 5 - 6 tuổi ở các trường mầm non huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Để đánh giá thực trạng công tác lập kế hoạch hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5 – 6 tuổi, chúng tôi đã khảo sát ý kiến của CBQL và GV tại các trường mầm non trên địa bàn huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả khảo sát chúng tôi trình bày trong bảng 1.

Kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy, nhìn chung, công tác lập kế hoạch hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5–6 tuổi tại các trường mầm non huyện Củ Chi được CBQL và GV đánh giá ở mức “thường xuyên” về mức độ thực hiện (ĐTB từ 3,75 đến 4,01) và mức “khá” về kết quả thực hiện (ĐTB từ 3,68 đến 3,97). Chỉ số ĐLC dao động từ 0,69 đến 0,90, phản ánh sự tương đối thống nhất trong đánh giá giữa các đối tượng khảo sát, cho thấy nhận thức và cách triển khai công tác lập kế hoạch khá đồng đều giữa các trường.

Nội dung đạt điểm cao nhất là “Xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục KNHT” với ĐTB mức độ thực hiện 4,01 (thường xuyên) và ĐTB kết quả thực hiện 3,97 (khá), ĐLC lần lượt là 0,90 và 0,87. Đây là minh chứng cho sự chú trọng của các nhà trường trong việc xây dựng định hướng, đảm bảo tính hệ thống ngay từ khâu đầu tiên. ĐLC ở mức khá cao cho thấy vẫn có sự chênh lệch nhỏ giữa các đơn vị, có thể xuất phát từ khác biệt về năng lực lập kế hoạch của đội ngũ.

Bảng 1. Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng lập kế hoạch hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xác định mục tiêu, lựa chọn các nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục KNHT cho trẻ 5 – 6 tuổi	4,01	0,90	3,97	0,87
2	Xác định các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi	3,79	0,79	3,72	0,72
3	Xác định các điều kiện, phương tiện đảm bảo hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi	3,91	0,90	3,87	0,88
4	Tuyên truyền, phổ biến kế hoạch hoạt động giáo dục KNHT cho các lực lượng tổ chức, tham gia	3,75	0,69	3,68	0,71

**Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; ĐLC: Độ lệch chuẩn*

Tiếp đến là nội dung “Xác định các điều kiện, phương tiện đảm bảo hoạt động giáo dục KNHT” (ĐTB mức độ thực hiện 3,91; mức độ kết quả thực hiện 3,87; ĐLC lần lượt: 0,90 và 0,88). Chỉ số ĐLC tương đối cao ở cả hai mức độ phản ánh sự khác biệt nhất định giữa các trường về khả năng chuẩn bị cơ sở vật chất và nguồn lực, vốn phụ thuộc vào điều kiện tài chính và quy mô từng đơn vị.

Nội dung “Xác định các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục KNHT” có ĐTB mức độ thực hiện 3,79; ĐTB kết quả thực hiện 3,72; ĐLC là 0,79 và 0,72. Điểm số ĐLC ở mức trung bình cho thấy việc phối hợp lực lượng đã được chú ý nhưng chưa đồng đều, đặc biệt là sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng còn phụ thuộc vào bối cảnh và mối quan hệ hợp tác tại từng trường.

Nội dung được đánh giá thấp nhất là “Tuyên truyền, phổ biến kế hoạch hoạt động giáo dục KNHT” với ĐTB mức độ thực hiện 3,75 và kết quả thực hiện 3,68; ĐLC là 0,69 và 0,71. Mức điểm của ĐLC khá thấp ở tiêu chí này cho thấy hầu hết các trường đều gặp khó khăn tương tự trong công tác truyền thông nội bộ và lan tỏa kế hoạch đến các lực lượng bên ngoài. Khi được hỏi về công tác tuyên truyền, phổ biến kế hoạch đến phụ huynh và các lực lượng liên quan hiện nay được triển khai như thế nào, vì sao còn hạn chế, cô N.T.M cho rằng: “Hiện nay, việc tuyên truyền chủ yếu qua họp phụ huynh và thông báo bằng văn bản. Phụ huynh nhiều khi bận công việc, ít tham dự đầy đủ hoặc chưa thực sự quan tâm. Do đó, thông tin chưa lan tỏa sâu rộng và sự phối hợp chưa đồng bộ”.

Như vậy, kết quả phân tích bảng 1 cho thấy công tác lập kế hoạch hoạt động giáo dục KNHT tại các trường mầm non trên địa bàn huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nhìn chung đã được thực hiện bài bản, thường xuyên và đạt hiệu quả tương đối tích cực. Các trường đã thể hiện sự chủ động trong việc xác định mục tiêu, nội dung, điều kiện tổ chức và định hướng phối hợp lực lượng. Tuy nhiên, vẫn còn điểm cần cải thiện, đặc biệt trong việc truyền thông kế hoạch một cách rộng rãi và hiệu quả tới các đối tượng liên quan. Trong thời gian tới, các cơ sở mầm non cần tăng cường các hoạt động truyền thông nội bộ và kết nối cộng đồng thông qua các hình thức đa dạng như họp mặt phụ huynh, bảng thông báo điện tử, nhóm tương tác trực tuyến... nhằm nâng cao sự đồng thuận và hiệu quả phối hợp trong việc thực hiện các kế hoạch giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi.

3.2. Thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Công tác tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục KNHT giữ vai trò quyết định trong việc hiện thực kế hoạch đã xây dựng. Để đánh giá thực trạng triển khai công tác này, tác giả đã tiến hành khảo sát ý kiến CBQL và GV trên địa bàn nghiên cứu. Kết quả khảo sát được thể hiện tại bảng 2.

Kết quả khảo sát được thống kê ở bảng 2 cho thấy, công tác tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5–6 tuổi tại các trường mầm non huyện Củ Chi được đánh giá ở mức từ “thỉnh thoảng” đến “thường xuyên” về mức độ thực hiện (ĐTB từ 2,38–3,86) và từ “yếu” đến “khá” về kết quả thực hiện (ĐTB từ 2,39–3,81). Chỉ số ĐLC dao động từ 0,62 đến 0,91, phản ánh mức độ thống nhất khác nhau giữa các đối tượng khảo sát: ở những nội dung có ĐLC thấp, ý kiến đánh giá khá đồng thuận, trong khi ĐLC cao cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa các trường trong thực tiễn triển khai.

Nội dung đạt ĐTB cao nhất là “*Phân công, phân nhiệm cho các cá nhân, bộ phận đảm nhận các hoạt động quản lý, thực hiện giáo dục KNHT*”, với ĐTB mức độ thực hiện 3,86 (thường xuyên) và ĐTB kết quả thực hiện 3,81 (khá), DLC lần lượt là 0,91 và 0,89. DLC khá cao ở cả hai mức độ cho thấy mặc dù đa số trường thực hiện tốt, vẫn tồn tại một số đơn vị triển khai chưa đồng đều, có thể do khác biệt về quy mô, cơ cấu nhân sự hoặc phong cách quản lý.

Xếp thứ hai là nội dung “*Phổ biến, học tập, trao đổi về nội dung quản lý hoạt động giáo dục KNHT*” (ĐTB mức độ thực hiện 3,70; ĐTB kết quả thực hiện 3,63; DLC cùng mức 0,88). Chỉ số DLC tương đối cao phản ánh sự khác biệt trong tần suất và chất lượng các buổi sinh hoạt chuyên môn giữa các trường, dù nhìn chung hoạt động này được đánh giá khá tích cực.

Bảng 2. Đánh giá của CBQL và GV về tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5 - 6 tuổi ở các trường mầm non huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	DLC	ĐTB	DLC
1	Phổ biến, học tập, trao đổi về nội dung quản lý hoạt động giáo dục KNHT	3,70	0,88	3,63	0,88
2	Phân công, phân nhiệm cho các cá nhân, bộ phận đảm nhận các hoạt động quản lý, thực hiện giáo dục KNHT	3,86	0,91	3,81	0,89
3	Tiến hành huy động và phân bổ các điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính phục vụ cho hoạt động giáo dục KNHT	3,26	0,67	3,03	0,81
4	Tổ chức phối hợp các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục KNHT	3,53	0,85	3,50	0,83
5	Động viên, khuyến khích, tạo động lực để các cá nhân, bộ phận tham gia tích cực hoạt động giáo dục KNHT	2,38	0,62	2,39	0,68

Nội dung “*Tổ chức phối hợp các lực lượng tham gia*” có ĐTB mức độ thực hiện 3,53; kết quả thực hiện 3,50; DLC là 0,85 và 0,83. Mức điểm ở ngưỡng khá nhưng DLC cao cho thấy một số trường đã xây dựng được mạng lưới phối hợp chặt chẽ, trong khi ở một số nơi, sự gắn kết với phụ huynh, đoàn thể và cộng đồng vẫn còn hạn chế.

Nội dung “*Tiến hành huy động và phân bổ các điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính*” đạt ĐTB mức độ thực hiện 3,26 (thỉnh thoảng) và ĐTB kết quả thực hiện 3,03 (trung bình), DLC lần lượt 0,67 và 0,81. DLC thấp hơn ở mức độ thực hiện phản ánh sự đồng thuận cao trong đánh giá khó khăn về nguồn lực, cho thấy đây là vấn đề chung ở hầu hết các trường.

Thấp nhất là nội dung “*Động viên, khuyến khích, tạo động lực*” với ĐTB mức độ thực hiện 2,38 (hiếm khi) và ĐTB kết quả thực hiện 2,39 (yếu), DLC là 0,62 và 0,68. DLC thấp thể hiện sự thống nhất trong đánh giá rằng đây là hạn chế nghiêm trọng và phổ biến, ảnh hưởng trực tiếp đến tinh thần, sự chủ động và chất lượng công việc của giáo viên.

Trao đổi với về nguyên nhân chính dẫn đến khó khăn trong việc huy động và phân bổ nguồn lực (cơ sở vật chất, tài chính), cô N.T.L, CBQL một trong những trường mầm non cho biết: “Kinh phí dành cho hoạt động giáo dục KNHT chưa được ưu tiên, chủ yếu dựa vào nguồn ngân sách chung. Thực tế trường cô đang phụ trách còn thiếu thiết bị, đồ dùng trực quan nên GV phải tự mày mò thiết kế, chế tạo”.

Tóm lại, qua phân tích cả ĐTB và DLC cho thấy các trường mầm non huyện Củ Chi đã chú trọng khâu phân công nhiệm vụ và duy trì trao đổi chuyên môn, nhưng hiệu quả chưa đồng đều. Ba điểm yếu nổi bật là: (1) Huy động và phân bổ nguồn lực, (2) Phối hợp các lực lượng giáo dục chưa chặt chẽ, và (3) Đặc biệt thiếu cơ chế động viên đội ngũ. Trong thời gian tới, cần chuẩn hóa quy trình phối hợp, đa dạng hóa kênh huy động nguồn lực, đồng thời thiết lập cơ chế khen thưởng – khích lệ kịp thời để nâng cao hiệu quả tổ chức giáo dục KNHT.

3.3. Thực trạng chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ 5 - 6 tuổi ở các trường mầm non huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Chỉ đạo là một chức năng quản lý cốt lõi, đóng vai trò định hướng, điều phối và thúc đẩy hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Đặc biệt, với nội dung giáo dục KNHT – vốn còn mới mẻ trong chương trình giáo dục mầm non – thì vai trò chỉ đạo lại càng trở nên quan trọng, nhằm đảm bảo triển khai đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế của từng đơn vị.

Kết quả khảo sát từ bảng 3 cho thấy, mức độ thực hiện và kết quả thực hiện công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5–6 tuổi tại các trường mầm non huyện Củ Chi đạt mức trung bình khá, với một số nội dung đạt mức “thường xuyên” nhưng cũng tồn tại nhiều mặt cần tiếp tục cải thiện.

Nội dung đạt điểm cao nhất là *chỉ đạo giáo viên và các lực lượng trong nhà trường thực hiện kế hoạch giáo dục KNHT*, với ĐTB là 3,74 và DLC là 0,90 ở mức độ thực hiện; kết quả thực hiện đạt ĐTB là 3,62, DLC là 0,88. Các giá trị DLC tương đối thấp thể hiện sự đánh giá đồng đều giữa các đối tượng khảo sát. Điều này phản ánh sự chủ động và nhất quán trong việc triển khai chỉ đạo ở cấp trường, từ việc xây dựng kế hoạch đến tổ chức thực hiện. Kết quả phỏng vấn thực tế cũng cho thấy hiệu quả của nội dung này. Cụ thể, cô P.T.G.B (GV) chia sẻ rằng: “Khi Ban Giám hiệu chỉ đạo cụ thể từng phần việc, giáo viên rất thuận lợi để triển khai và không bị lúng túng trong quá trình tổ chức hoạt động”. Như vậy, chỉ đạo thực hiện đóng vai trò rõ rệt trong việc định hướng chuyên môn và hỗ trợ giáo viên trong quá trình thực hiện.

Bảng 3. Đánh giá của CBQL và GV về chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5 - 6 tuổi ở các trường mầm non huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	DLC	ĐTB	DLC
1	Chỉ đạo GV và các lực lượng giáo dục nhà trường thực hiện kế hoạch giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi	3,74	0,90	3,62	0,88
2	Chỉ đạo cho GV thường xuyên đổi mới phương pháp, đa dạng hoá hình thức giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi	3,61	0,84	3,53	0,98
3	Chỉ đạo việc phối kết hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường trong hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ	3,40	0,98	3,44	0,92
4	Chỉ đạo việc trang bị và sử dụng hiệu quả các điều kiện, phương tiện phục vụ cho hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ	3,08	0,84	3,10	0,81

Xếp sau đó là nội dung *chỉ đạo đổi mới, đa dạng hóa hình thức và phương pháp giáo dục KNHT*, đạt ĐTB 3,61, DLC 0,84 cho mức độ thực hiện; kết quả thực hiện là 3,53, DLC 0,98. Tuy kết quả ở mức “khá”, nhưng DLC cao hơn ở phần kết quả cho thấy vẫn có sự chênh lệch đáng kể giữa các trường trong việc hiện thực hóa chủ trương đổi mới. Điều này có thể xuất phát từ sự khác biệt về năng lực đổi mới của giáo viên và điều kiện tổ chức tại từng cơ sở giáo dục mầm non.

Nội dung *chỉ đạo phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường* nhận được mức đánh giá trung bình với ĐTB 3,40 (DLC 0,98) ở mức độ thực hiện và ĐTB 3,44 (DLC 0,92) ở kết quả thực hiện. Mức DLC cao phản ánh sự không đồng đều trong thực tiễn triển khai, cho thấy đây là một khâu yếu. Trong nhiều trường hợp, việc kết nối với phụ huynh, đoàn thể, cộng đồng còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu và chưa được quan tâm đúng mức. Thực tế cho thấy, tâm lý “khoán trắng cho nhà trường” hoặc sự thiếu cam kết từ phía các bên liên quan vẫn tồn tại, làm hạn chế hiệu quả của hoạt động giáo dục KNHT.

Nội dung được đánh giá thấp nhất là *chỉ đạo việc trang bị và sử dụng hiệu quả điều kiện, phương tiện phục vụ giáo dục KNHT*, với ĐTB 3,08 và DLC 0,84 ở mức độ thực hiện; kết quả thực hiện là ĐTB 3,10, DLC 0,81. Đây là mức “thỉnh thoảng” và phản ánh rõ khoảng trống trong công tác chỉ đạo chuyên môn liên quan đến thiết bị dạy học. Mặc dù nhiều trường đã có trang thiết bị, song việc sử dụng chưa đúng mục tiêu phát triển KNHT hoặc chưa được hướng dẫn cụ thể khiến cho nguồn lực chưa được tận dụng hiệu quả. Cô giáo L.T.N.H chia sẻ: “Thiết bị đã có nhưng GV chưa được hướng dẫn cụ thể về cách sử dụng vào bài dạy có yếu tố KNHT nên hầu như không bao giờ sử dụng”. Điều này cho thấy sự thiếu nhất quán trong công tác chỉ đạo, ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động giáo dục.

Như vậy, công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục KNHT tại các trường mầm non huyện Củ Chi đã có những bước tiến rõ rệt, nhất là trong việc xây dựng kế hoạch, phổ biến và hướng dẫn giáo viên thực hiện kế hoạch. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế, đặc biệt trong chỉ đạo phối hợp lực lượng và quản lý, sử dụng thiết bị dạy học. Các nội dung này cần được quan tâm sâu sát hơn để nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ ở lứa tuổi mẫu giáo lớn.

3.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Công tác kiểm tra, đánh giá đóng vai trò quan trọng trong quản lý giáo dục, không chỉ giúp đo lường mức độ đạt được của mục tiêu giáo dục, mà còn là cơ sở quan trọng để điều chỉnh, cải tiến và nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục KNHT.

Kết quả khảo sát ý kiến CBQL và GV được thể hiện tại bảng 4 cho thấy, công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5–6 tuổi tại các trường mầm non huyện Củ Chi nhìn chung được thực hiện ở mức trung bình đến khá, với ĐTB mức độ thực hiện dao động từ 3,20 đến 3,88 và ĐTB kết quả thực hiện từ 3,02 đến 3,68. Chỉ số DLC nằm trong khoảng 0,59–0,93, cho thấy mức độ thống nhất trong đánh giá giữa

các đối tượng khảo sát có sự khác biệt đáng kể theo từng nội dung: ĐLC thấp phản ánh sự đồng thuận cao, còn ĐLC cao cho thấy ý kiến đánh giá giữa các trường còn phân tán.

Bảng 4. Đánh giá của CBQL và GV về công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5 - 6 tuổi ở các trường mầm non huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng nội dung và các tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá phù hợp nội dung thực hiện các mục tiêu giáo dục KNHT cho trẻ 5 – 6 tuổi	3,76	0,71	3,53	0,69
2	Lựa chọn hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp nội dung giáo dục KNHT cho trẻ 5 – 6 tuổi	3,88	0,85	3,68	0,77
3	Lựa chọn, phân công lực lượng kiểm tra, đánh giá cụ thể theo các chức năng, nhiệm vụ được giao	3,81	0,75	3,41	0,62
4	Phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá trên cơ sở so sánh với các tiêu chuẩn đã xây dựng	3,20	0,61	3,14	0,59
5	Tuyên dương, khen thưởng những cá nhân, bộ phận thực hiện tốt hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5 – 6 tuổi	3,21	0,77	3,02	0,73
6	Tổng kết, rút kinh nghiệm từng giai đoạn để kịp thời có những điều chỉnh trong hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5 – 6 tuổi	3,21	0,93	3,22	0,89

Nội dung có ĐTB cao nhất là “*Lựa chọn hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với nội dung giáo dục KNHT*”, với ĐTB mức độ thực hiện 3,88 (thường xuyên) và kết quả thực hiện 3,68 (khá), ĐLC 0,85 và 0,77. Với ĐLC tương đối cao cho thấy tuy phần lớn các trường đã áp dụng linh hoạt các hình thức như quan sát, đánh giá qua sản phẩm học tập, vẫn có sự chênh lệch về cách thức vận dụng và mức độ thành thạo giữa các đơn vị.

Xếp thứ hai là “*Lựa chọn, phân công lực lượng kiểm tra, đánh giá cụ thể*”, với ĐTB mức độ thực hiện 3,81 và ĐTB kết quả thực hiện 3,41; ĐLC lần lượt 0,75 và 0,62. ĐLC thấp hơn ở kết quả cho thấy sự đồng thuận cao hơn về mức độ hiệu quả, dù điểm số giảm so với mức độ thực hiện, phản ánh sự phân công đã rõ ràng nhưng vẫn thiếu phối hợp nhịp nhàng hoặc năng lực chuyên sâu về đánh giá KNHT.

Nội dung “*Xây dựng nội dung và tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá*” đạt ĐTB mức độ thực hiện 3,76; ĐTB kết quả thực hiện 3,53; ĐLC 0,71 và 0,69. Đây là một trong những nội dung có ĐLC thấp nhất, chứng tỏ nhận định tương đối thống nhất giữa các trường. Tuy nhiên, tiêu chí đánh giá vẫn chưa tách riêng KNHT mà chủ yếu lồng ghép vào mục tiêu chung, làm giảm tính chuyên biệt và độ chính xác khi phản ánh năng lực hợp tác của trẻ.

Ba nội dung còn lại có ĐTB thấp hơn, đồng thời ĐLC dao động khá lớn: “*Tổng kết, rút kinh nghiệm*” (ĐTB thực hiện 3,21; ĐTB kết quả 3,22; ĐLC 0,93 và 0,89) có ĐLC cao nhất bảng, thể hiện sự chênh lệch rõ rệt giữa các trường về tần suất và chất lượng hoạt động này. “*Tuyên dương, khen thưởng*” (ĐTB thực hiện 3,21; ĐTB kết quả 3,02; ĐLC 0,77 và 0,73) cho thấy mức độ ghi nhận thành tích còn thấp và khá đồng đều ở mức hạn chế. “*Phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá*” (ĐTB thực hiện 3,20; kết quả 3,14; ĐLC 0,61 và 0,59) có ĐLC thấp nhất bảng, cho thấy tất cả các trường đều đồng thuận rằng hoạt động này chưa được chú trọng, chủ yếu mang tính hình thức.

Như vậy, qua phân tích ĐTB và ĐLC cho thấy các trường đã bước đầu làm tốt ở khâu lựa chọn phương pháp và hình thức kiểm tra cũng như xây dựng tiêu chí đánh giá, nhưng còn nhiều hạn chế trong sử dụng kết quả để điều chỉnh hoạt động, tổng kết – rút kinh nghiệm và khích lệ kịp thời đội ngũ. Trong thời gian tới, cần đồng bộ hóa quy trình kiểm tra – đánh giá giữa các trường, đào tạo nâng cao năng lực phân tích kết quả cho đội ngũ, đồng thời gắn kết chặt chẽ đánh giá với cơ chế khen thưởng và cải tiến hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục KNHT.

3.5. Đánh giá chung về thực trạng

Trên cơ sở kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng hợp tác (KNHT) cho trẻ 5–6 tuổi tại các trường mầm non huyện Củ Chi, có thể thấy rằng công tác quản lý đã được triển khai tương đối toàn diện, bao quát đầy đủ các chức năng cơ bản của quản lý giáo dục. Tuy nhiên, mức độ hiệu quả giữa các chức năng vẫn còn sự khác biệt đáng kể. Cụ thể:

- Chức năng lập kế hoạch được đánh giá khá cao, cả về mức độ thực hiện và hiệu quả. Các trường đã quan tâm xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp và điều kiện đảm bảo. Đây là điểm mạnh nổi bật, cho thấy tính chủ động và hệ thống trong quản lý. Tuy nhiên, khâu tuyên truyền, phổ biến kế

hoạch đến phụ huynh và các lực lượng bên ngoài còn yếu. Điều này khiến sự đồng thuận và phối hợp chưa cao.

- Chức năng tổ chức thực hiện: Nội dung phân công, phân nhiệm được triển khai thường xuyên, khá hiệu quả. Hoạt động phổ biến, trao đổi nội dung quản lý cũng được đánh giá tích cực. Tuy nhiên, việc huy động, phân bổ nguồn lực hạn chế; việc phối hợp lực lượng giáo dục chưa đồng đều giữa các trường; công tác động viên, khích lệ giáo viên còn rất yếu. Đây là hạn chế lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến tinh thần, động lực của đội ngũ.

- Chức năng chỉ đạo: Ban giám hiệu đã quan tâm chỉ đạo thực hiện kế hoạch, giúp giáo viên triển khai thuận lợi. Một số trường đã khuyến khích đổi mới phương pháp, đa dạng hóa hình thức. Tuy nhiên, sự chỉ đạo phối hợp lực lượng trong và ngoài trường chưa thực sự hiệu quả; chỉ đạo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị chưa sát sao.

- Chức năng kiểm tra – đánh giá: Các trường đã bước đầu xây dựng tiêu chí và lựa chọn hình thức kiểm tra phù hợp. Việc phân công lực lượng kiểm tra cũng khá rõ ràng. Tuy nhiên, việc sử dụng kết quả kiểm tra để điều chỉnh hoạt động chưa hiệu quả; công tác tổng kết, rút kinh nghiệm còn thiếu đồng bộ; công tác khen thưởng, động viên sau đánh giá còn hạn chế.

Như vậy, kết quả nghiên cứu tại các trường mầm non huyện Củ Chi cho thấy công tác quản lý hoạt động giáo dục KNHT đã có những chuyển biến tích cực, đặc biệt ở khâu lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ, song vẫn còn hạn chế ở việc huy động nguồn lực, phối hợp lực lượng, động viên đội ngũ và sử dụng kết quả kiểm tra để điều chỉnh hoạt động. Kết quả này có sự tương đồng và khác biệt nhất định khi so sánh với một số nghiên cứu trong và ngoài nước. Chẳng hạn, trong nghiên cứu của Bùi Việt Phú (2016) về phát triển KNHT cho trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi thông qua hoạt động vui chơi, tác giả nhấn mạnh vai trò của giáo viên trong việc tổ chức, hướng dẫn trẻ hợp tác. Tuy nhiên, công tác quản lý ở nhiều cơ sở vẫn chưa thật sự đồng bộ, đặc biệt ở việc phát huy sự phối hợp giữa giáo viên và phụ huynh. Điều này gần giống với hạn chế được ghi nhận tại Củ Chi, nơi sự phối hợp với các lực lượng ngoài nhà trường còn lỏng lẻo. Trong khi đó, luận án của Vũ Thị Minh Trang (2023) nghiên cứu tại Quảng Nam cũng khẳng định lập kế hoạch giáo dục KNHT được các trường chú trọng, song khâu kiểm tra – đánh giá và sử dụng kết quả kiểm tra để cải tiến hoạt động còn chưa hiệu quả. So với kết quả nghiên cứu tại Củ Chi, có thể thấy điểm yếu này là hạn chế mang tính phổ biến, phản ánh khó khăn chung trong quản lý giáo dục KNHT ở bậc mầm non.

Ở bình diện quốc tế, báo cáo của OECD (2020) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng hệ thống đánh giá thường xuyên và có tính phản hồi cao, đồng thời coi động viên, khích lệ đội ngũ là một trong những yếu tố then chốt nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ. So với kết quả ở Củ Chi, có thể thấy khoảng cách rõ rệt ở hai khía cạnh: (1) thiếu cơ chế khích lệ, động viên giáo viên và (2) việc sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến hoạt động chưa hiệu quả. Đây là những nội dung mà các cơ sở mầm non ở Việt Nam nói chung và huyện Củ Chi nói riêng cần học hỏi kinh nghiệm từ quốc tế.

Như vậy, có thể khẳng định nghiên cứu tại Củ Chi vừa phản ánh đặc thù của địa phương (hạn chế về nguồn lực, thiếu cơ chế khích lệ đội ngũ), vừa cho thấy những điểm yếu phổ biến của giáo dục mầm non Việt Nam (chưa phát huy tốt công tác phối hợp, kiểm tra – đánh giá và cải tiến hoạt động). Việc đối chiếu với các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã giúp làm rõ tính phổ quát và tính đặc thù của kết quả nghiên cứu, đồng thời gợi mở những định hướng cải thiện trong thời gian tới.

3.6. Đề xuất biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ 5 – 6 tuổi ở các trường mầm non huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Trên cơ sở kết quả khảo sát và phân tích thực trạng quản lý hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5–6 tuổi tại các trường mầm non huyện Củ Chi, có thể nhận thấy một số tồn tại nổi bật như: chưa chú trọng đầy đủ đến công tác tuyên truyền kế hoạch, phối hợp lực lượng còn lỏng lẻo, việc huy động và sử dụng thiết bị, phương tiện còn hạn chế, động lực và sự ghi nhận đối với đội ngũ thực hiện chưa được quan tâm đúng mức.

Để khắc phục những tồn tại nêu trên và nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục KNHT, cần thiết phải triển khai đồng bộ một số biện pháp sau:

(1) *Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kế hoạch giáo dục KNHT đến toàn thể lực lượng tham gia:* Việc truyền thông rõ ràng về mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục KNHT là nền tảng quan trọng để tạo sự đồng thuận và phối hợp hiệu quả. Các nhà trường cần đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền thông qua nhiều kênh như: họp phụ huynh, bảng tin điện tử, nhóm tương tác trực tuyến, nhằm đảm bảo tất cả các lực lượng – đặc biệt là phụ huynh – đều hiểu rõ và tích cực tham gia.

(2) *Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa nhà trường và các lực lượng ngoài nhà trường trong tổ chức giáo dục KNHT:* Cần xây dựng cơ chế phối hợp cụ thể giữa giáo viên, cán bộ quản lý, phụ huynh và các tổ chức

đoàn thể. Nhà trường có thể mời phụ huynh tham gia vào các hoạt động học thông qua vai trò cộng tác viên giáo dục, đồng thời kết nối với các tổ chức xã hội để hỗ trợ chuyên môn, tài chính và nhân lực.

(3) *Bổ sung, hướng dẫn sử dụng hiệu quả thiết bị, đồ dùng phục vụ cho hoạt động KNHT*: Nhà trường cần có kế hoạch đầu tư bổ sung các trang thiết bị, học cụ phù hợp với đặc điểm phát triển KNHT của trẻ. Bên cạnh đó, cần tổ chức các buổi chuyên đề, hướng dẫn giáo viên cách khai thác và tích hợp thiết bị vào các hoạt động học tập của trẻ một cách sáng tạo.

(4) *Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá gắn với cải tiến hoạt động và khích lệ đội ngũ*: Nhà trường cần xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá cụ thể đối với hoạt động giáo dục KNHT, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với lứa tuổi mầm non. Đặc biệt, kết quả kiểm tra, đánh giá cần được sử dụng như một công cụ điều chỉnh hoạt động và là cơ sở để tuyên dương, khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể thực hiện tốt. Qua đó, góp phần tạo động lực và nâng cao chất lượng triển khai thực tế.

(5) *Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên đề về KNHT cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý*: Để nâng cao năng lực tổ chức hoạt động KNHT, các trường mầm non cần thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo chuyên đề về kỹ năng hợp tác, phương pháp tổ chức hoạt động nhóm, quản lý tương tác nhóm trẻ... nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng triển khai cho đội ngũ giáo viên một cách bài bản, chuyên sâu và hiệu quả hơn.

Năm biện pháp đề xuất ở trên có mối quan hệ chặt chẽ, bổ trợ lẫn nhau, tạo thành một hệ thống đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng quản lý hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5–6 tuổi ở các trường mầm non huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác quản lý hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5–6 tuổi tại các trường mầm non huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh đã đạt được những chuyển biến tích cực. Các trường đã chú trọng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và chỉ đạo có trọng tâm; công tác kiểm tra – đánh giá bước đầu được định hình. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những hạn chế đáng kể như: sự phối hợp giữa các lực lượng còn lỏng lẻo, việc sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động chưa hiệu quả, cơ sở vật chất và thiết bị chưa được khai thác tối ưu, thiếu cơ chế động viên và khích lệ đội ngũ.

Trên cơ sở phân tích thực trạng, nghiên cứu đã đề xuất năm biện pháp quản lý thiết thực nhằm nâng cao chất lượng giáo dục KNHT cho trẻ 5–6 tuổi, gồm: (1) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kế hoạch; (2) Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các lực lượng; (3) Phát huy hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị; (4) Hoàn thiện công tác kiểm tra – đánh giá gắn với khích lệ đội ngũ; và (5) Bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho cán bộ quản lý và giáo viên. Nếu được triển khai đồng bộ và linh hoạt, các biện pháp này sẽ góp phần phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế và nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục KNHT tại các trường mầm non trên địa bàn nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi, V. P. (2016). Phát triển kỹ năng hợp tác cho trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi trong hoạt động vui chơi ở trường mầm non. *Tạp chí Khoa học và Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng*, 20(03), 102–107.
- OECD. (2020). *Starting strong VI: Supporting meaningful interactions in early childhood education and care*. OECD Publishing.
- Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2019). *Luật Giáo dục*.
- Vũ, T. M. T. (2023). *Giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ 5 đến 6 tuổi thông qua hoạt động chấp ghép ở các trường mầm non tỉnh Quảng Nam* (Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng).

The current situation of managing cooperative skills education for 5–6-year-old children in preschools in Cu Chi district, Ho Chi Minh City

Ho Thi Kim Ngan¹, Le Van Khuyen²

¹An Phu Preschool, Cu Chi District, Ho Chi Minh City

²University of Education, Hue University

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 13 July 2025

Received in revised form: 15 September 2025

Accepted: 01 October 2025

Published: 20 December 2025

Keywords:

Educational management;

Cooperative skills;

5–6-year-old children;

Preschool.

Corresponding author:

Le Van Khuyen

E-mail address:

lvkhuyen@hueuni.edu.vn

ABSTRACT

This study surveyed 145 administrators and teachers at five preschools in Cu Chi District, Ho Chi Minh City to assess the current situation of managing cooperative skills education for 5–6-year-old children. The findings indicate that management has been implemented across various aspects, reaching from moderate to fairly good levels, with planning and task assignment being most highly evaluated. However, certain areas remain limited, including resource mobilization, communication of plans, staff motivation, and the use of evaluation results to adjust activities. Based on these findings, the study proposes five key measures to improve the quality of managing cooperative skills education, thereby contributing to the sustainable and effective development of children’s cooperative competence.